

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B416 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000001	35161023704	Lê Thị Nguyệt	An	15/12/1992	LT21KN006				
2	000002	35171020174	Nguyễn Thúy	An	24/03/1988	LT22AD002				
3	000003	35171020448	Phạm Thị Thúy	An	24/06/1995	LT22FT002				
4	000004	35171021945	Phạm Thị Thúy	An	18/08/1994	LT22AD003				
5	000005	35181020170	Cần Thị Vân	Anh	22/11/1995	LT23.1AD00				
6	000006	35171021888	Đặng Tú	Anh	26/04/1991	LT22NH002				
7	000007	35181020599	Đoàn Châu Phương	Anh	01/07/1996	LT23.1KN00				
8	000008	35181025615	Hoàng Nhật	Anh	31/08/1986	LT23.2KN00				
9	000009	35181025499	Huỳnh Trần Trâm	Anh	02/01/1996	LT23.2KN00				
10	000010	35181020405	Lâm Vân	Anh	15/08/1995	LT23.1FT005				
11	000011	35181025429	Lê Thị Tú	Anh	07/10/1997	LT23.2KN00				
12	000012	35181021295	Lê Trần Vân	Anh	27/08/1991	LT23.1AD00				
13	000013	35171021843	Lê Trúc	Anh	21/08/1993	LT22NH002				
14	000014	35181020414	Nguyễn Hồng Hoàng	Anh	18/03/1996	LT23.1FT003				
15	000015	35171021497	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/03/1993	LT22KN002				
16	000016	35181020388	Nguyễn Thị Kim	Anh	01/01/1996	LT23.1FT006				
17	000017	35181025104	Nguyễn Thị Kim	Anh	13/02/1992	LT23.2AD00				
18	000018	35181021080	Nguyễn Thị Tú	Anh	01/09/1995	LT23.1FT005				
19	000019	35181025228	Nguyễn Thị Tú	Anh	19/01/1997	LT23.2KN00				
20	000020	35181025554	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/11/1993	LT23.2FN00				
21	000021	35161022865	Phạm Thị Kim	Anh	20/04/1991	LT21KN001				
22	000022	35181020329	Thiều Nguyễn Phương	Anh	01/08/1995	LT23.1FT001				
23	000023	35181020299	Trần Thị Ngọc	Anh	15/10/1996	LT23.1FT007				
24	000024	35181020444	Trần Thủy Trúc	Anh	22/04/1992	LT23.1FT003				
25	000025	35181020904	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	28/07/1993	LT23.1FN00				
26	000026	35181021369	Võ Huỳnh Xuân	Anh	03/02/1995	LT23.1KN00				
27	000027	35181020784	Phạm Thị Ngọc	Ái	27/06/1991	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B416 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000028	35171020146	Lê Huỳnh Ngọc Ánh	17/06/1993	LT22MR001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B115 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000029	35181025225	Nguyễn Thị Hồng Ánh	20/11/1991	LT23.2FN00				
2	000030	35181020367	Huỳnh Long Ân	13/12/1996	LT23.1FT004				
3	000031	35181025096	Phan Mạnh Bảo	07/01/1996	LT23.2FT001				
4	000032	35171021047	Phan Thái Bảo	12/10/1992	LT22NH001				
5	000033	35171021599	Lương Thị Bạch	26/10/1992	LT22KN001				
6	000034	35191020396	Nguyễn Thị Bình	22/12/1989	LT24.1KN02				
7	000035	35181025209	Phạm Thị Thanh Bình	02/06/1997	LT23.2KN00				
8	000036	35181020704	Trần Thị Y Bình	17/06/1996	LT23.1KN00				
9	000037	35181020184	Trương Thái Bình	26/02/1996	LT23.1AD00				
10	000038	35171021470	Võ Thanh Bình	10/03/1994	LT22KN005				
11	000039	35181025468	Võ Thanh Bình	20/03/1997	LT23.2FT001				
<del>12</del>	<del>000040</del>	<del>35191020337</del>	<del>Hồ Thị Bích</del>	<del>22/03/1988</del>	<del>LT24.1KN03</del>				
13	000041	35181020415	Phan Thị Bích	26/02/1996	LT23.1FT003				
14	000042	35181020531	Phan Thị Ngọc Bích	27/10/1994	LT23.1KN00				
15	000043	35171021649	Phạm Thị Ngọc Bích	12/01/1992	LT22KN004				
16	000044	35181025010	Phạm Thị Ngọc Bích	19/07/1996	LT23.2AD00				
17	000045	35171021895	Thái Thị Kim Bích	28/08/1994	LT22FT003				
18	000046	35181020743	La Thị Búp	29/01/1993	LT23.1KN00				
19	000047	35191020533	Đinh Thị Cẩm	02/01/1996	LT24.1KN01				
20	000048	35181025241	Bùi Ngọc Cấn	10/08/1992	LT23.2FN00				
21	000049	35181020386	Lâm Ngọc Huyền Chân	19/07/1994	LT23.1FT002				
22	000050	35171020023	Huỳnh Thị Mỹ Châu	26/04/1991	LT22AD002				
23	000051	35181020538	Nguyễn Thị Mỹ Châu	20/11/1996	LT23.1KN00				
24	000052	35181025357	Thái Thị Hồng Châu	18/06/1996	LT23.2KN00				
25	000053	35181020928	Trần Thị Minh Châu	18/01/1995	LT23.1FN003				
26	000054	35181020966	Lê Thị Kim Chi	24/11/1996	LT23.1FN00				
27	000055	35181025062	Lê Thị Yến Chi	24/01/1996	LT23.2AD00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B115 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000056	35181020921	Ngô Thị Quế Chi	04/09/1992	LT23.1KN00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B116 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000057	35181021304	Nguyễn Thị Diễm Chi	26/12/1993	LT23.1AD00				
2	000058	35191020139	Nguyễn Thị Kim Chi	27/11/1991	LT24.1KN02				
3	000059	35181020345	Nguyễn Thị Mỹ Chi	19/05/1996	LT23.1FT006				
4	000060	35181020223	Hồ Thị Thu Chung	28/02/1993	LT23.1AD00				
5	000061	35171021638	Lê Thành Chung	22/11/1978	LT22KN003				
6	000062	35171021774	Lê Thị Cúc	28/08/1993	LT22KN005				
7	000063	35181020827	Nguyễn Thị Cúc	06/02/1993	LT23.1KN00				
8	000064	35181025217	Lê Thị Thu Cương	27/02/1996	LT23.2KN00				
9	000065	35181020945	Lưu Văn Cường	11/07/1992	LT23.1NH00				
10	000066	35181021257	Nguyễn Đức Cường	13/03/1989	LT23.1NH00				
11	000067	35181021245	Hồ Huỳnh Danh	06/05/1996	LT23.1FN00				
12	000068	35171021427	Nguyễn Thanh Danh	08/04/1992	LT22NH001				
13	000069	35181021111	Nguyễn Huy Dâng	12/03/1994	LT23.1AD00				
14	000070	35181021127	Đoàn Thị Ngọc Diễm	05/03/1993	LT23.1FN00				
15	000071	35161022927	Hồ Thị Thúy Diễm	25/01/1993	LT21KN006				
16	000072	35171021114	Lê Lưu Ngọc Diễm	01/04/1994	LT22KN006				
17	000073	35171020673	Ngô Thị Diễm	18/08/1994	LT22NH001				
18	000074	35191020420	Nguyễn Bảo Anh Diễm	07/02/1990	LT24.1AD01				
19	000075	35181020698	Nguyễn Thị Diễm	08/05/1992	LT23.1KN00				
20	000076	35171021846	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	08/01/1991	LT22KN001				
21	000077	35181025541	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	20/06/1994	LT23.2FN00				
22	000078	35181020809	Nguyễn Thị Thúy Diễm	28/01/1993	LT23.1KN00				
23	000079	35161023483	Phạm Thị Kiều Diễm	27/07/1994	LT21KN005				
24	000080	35181020948	Phạm Ngọc Diệp	31/03/1986	LT23.1KN00				
25	000081	35181020655	Lê Thị Thu Diệu	25/07/1991	LT23.1KN00				
26	000082	35181021164	Nguyễn Thị Diệu	27/07/1993	LT23.1KN00				
27	000083	35181025105	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	10/03/1995	LT23.2FT00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B116 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000084	35181025040	Phan Mỹ Diệu	10/04/1993	LT23.2AD00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B210 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000085	35181021287	Trần Thị Thúy Diệu	22/07/1990	LT23.1KN00				
2	000086	35181020290	Nguyễn Thị Thu Diệu	07/04/1996	LT23.1FT005				
3	000087	35171020635	Huỳnh Trung Du	10/09/1992	LT22NH002				
4	000088	35181025177	Bùi Thị Dung	08/10/1992	LT23.2KN00				
5	000089	35191020253	Bùi Thị Mỹ Dung	18/03/1996	LT24.1FT01				
6	000090	35181025272	Cần Thị Kim Dung	09/08/1987	LT23.2AD00				
7	000091	35181020361	Đặng Thị Phương Dung	07/02/1996	LT23.1FT001				
8	000092	35191020204	Hồ Thị Ngọc Dung	16/02/1994	LT24.1FT01				
9	000093	35181020613	Huỳnh Thị Mỹ Dung	15/04/1994	LT23.1KN00				
10	000094	35181020673	Lê Thị Mỹ Dung	19/12/1992	LT23.1KN00				
11	000095	35181020129	Lê Thị Thu Dung	14/01/1996	LT23.1AD00				
12	000096	35181020547	Nguyễn Thị Phương Dung	08/02/1996	LT23.1KN00				
13	000097	35181020019	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/12/1994	LT23.1AD00				
14	000098	35181025127	Nguyễn Thị Thùy Dung	16/07/1997	LT23.2FT001				
15	000099	35181025588	Nhữ Thị Dung	27/07/1993	LT23.2FT001				
16	000100	35171020902	Phan Thị Thùy Dung	20/03/1994	LT22KN003				
17	000101	35181021270	Phạm Thị Dung	20/10/1990	LT23.1FT002				
18	000102	35181020869	Phạm Thị Mỹ Dung	15/08/1996	LT23.1FN001				
19	000103	35171020089	Bùi Huỳnh Khương Duy	29/09/1987	LT22AD002				
20	000104	35181020086	Trịnh Duy	24/12/1996	LT23.1AD00				
21	000105	35181021353	Đỗ Mỹ Duyên	22/08/1996	LT23.1AD00				
22	000106	35181025494	Đỗ Thị Mỹ Duyên	08/09/1996	LT23.2KN00				
23	000107	35181020548	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	29/09/1996	LT23.1FT004				
24	000108	35181020814	Lào Thị Thùy Duyên	30/10/1985	LT23.1KN00				
25	000109	35181020473	Nguyễn Huỳnh Thị Phương Duyên	26/10/1994	LT23.1FT005				
26	000110	35171020029	Nguyễn Thị Duyên	20/04/1995	LT22AD001				
27	000111	35181020833	Thiều Dương Mỹ Duyên	12/05/1994	LT23.1FN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B210 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000112	35171021135	Trần Thị Mỹ Duyên	27/05/1994	LT22KN001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B211 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000113	35181025195	Võ Lê Ngọc Duyên	29/12/1996	LT23.2KN00				
2	000114	35181020224	Hồ Thanh Duy Dũ	21/08/1995	LT23.1AD00				
3	000115	35171021609	Chu Tiến Dũng	07/06/1990	LT22NH002				
4	000116	35171021313	Lê Khánh Dũng	30/08/1993	LT22FT003				
5	000117	35171020707	Nguyễn Anh Dũng	31/12/1992	LT22FN002				
6	000118	35171020850	Phạm Văn Dũng	28/09/1991	LT22FN002				
7	000119	35161020183	Trần Mạnh Dũng	22/06/1992	LT21AD003				
8	000120	35181025015	Vũ Ngọc Dũng	20/05/1991	LT23.2AD00				
9	000121	35181020003	Ngô Cao Thùy Dương	07/02/1996	LT23.1AD00				
10	000122	35181020387	Nguyễn Thái Dương	20/02/1994	LT23.1FT006				
11	000123	35191020362	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/04/1982	LT24.1KN03				
12	000124	35181020751	Vũ Thị Thùy Dương	23/12/1993	LT23.1KN00				
13	000125	35171020246	Huỳnh Đình Hồng Đào	02/08/1993	LT22MR001				
14	000126	35181020058	Trương Thị Hồng Đào	10/08/1992	LT23.1AD00				
15	000127	35181020815	Đình Tấn Đạt	22/07/1995	LT23.1FT003				
16	000128	35181021062	Phan Nguyên Tiến Đạt	27/09/1994	LT23.1NH00				
17	000129	35171020712	Tạ Quốc Đạt	01/06/1992	LT22NH001				
18	000130	35171020657	Trần Thị Ngọc Đẹp	22/01/1988	LT22NH001				
19	000131	35171020800	Võ Thị Diễm	10/10/1994	LT22NH001				
20	000132	35181020318	Dương Thị Định	29/06/1996	LT23.1FT006				
21	000133	35171020099	Hoàng Văn Đoan	25/04/1992	LT22AD002				
22	000134	35181025119	Hồ Phan Rạng Đông	20/04/1987	LT23.2FT001				
23	000135	35161020127	Nguyễn Thị Đông	13/03/1994	LT21AD002				
24	000136	35171020059	Huỳnh Văn Đức	26/08/1995	LT22AD002				
25	000137	35181025472	Trần Thị Diễm Em	10/03/1991	LT23.2AD00				
26	000138	35181021138	Đình Thị Hồng Gấm	19/07/1991	LT23.1FT006				
27	000139	35171020808	Nguyễn Thị Gấm	14/04/1991	LT22FN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B211 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000140	35171020750	Lý Thị Hà Giang	22/10/1992	LT22NH001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B212 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000141	35181020987	Nguyễn Thị Cẩm Giang	23/07/1992	LT23.1KN00				
2	000142	35181020505	Nguyễn Thị Hương Giang	18/06/1996	LT23.1KN00				
3	000143	35171021162	Nguyễn Thị Trà Giang	04/09/1993	LT22AD001				
4	000144	35171020200	Phạm Trần Anh Giang	02/01/1990	LT22AD003				
5	000145	35171020838	Trần Thị Giang	02/09/1991	LT22NH001				
6	000146	35181020236	Võ Thị Linh Giang	06/08/1993	LT23.1FT002				
7	000147	35181025182	Hà Thị Ngọc Giàu	28/04/1995	LT23.2KN00				
8	000148	35181020543	Cao Thị Mỹ Hà	04/08/1995	LT23.1KN00				
9	000149	35171021761	Hoàng Thị Thanh Hà	05/05/1995	LT22KN001				
10	000150	35181020325	Hoàng Thị Thu Hà	03/12/1995	LT23.1FT002				
11	000151	35181025282	Hoàng Thị Thu Hà	26/11/1993	LT23.2KN00				
12	000152	35161021474	Nguyễn Đăng Ngọc Hà	05/07/1992	LT21KN002				
13	000153	35181021223	Nguyễn Thị Hà	28/02/1991	LT23.1NH00				
14	000154	35181025193	Phạm Thị Thu Hà	16/04/1991	LT23.2KN00				
15	000155	35181025456	Trần Hồ Vũ Hà	29/10/1990	LT23.2KN00				
16	000156	35181020132	Trần Ngân Hà	07/07/1993	LT23.1AD00				
17	000157	35161022966	Trần Thị Thanh Hà	23/05/1987	LT21KN006				
18	000158	35171021362	Trần Thị Thu Hà	20/08/1994	LT22KN002				
19	000159	35161021580	Trần Thúy Hà	20/10/1991	LT21KN003				
20	000160	35181021242	Huỳnh Nguyên Anh Hào	29/03/1991	LT23.1FT003				
21	000161	35171021131	Huỳnh Minh Hải	11/07/1986	LT22KN004				
22	000162	35181020341	Huỳnh Xuân Hải	23/09/1989	LT23.1FT003				
23	000163	35181020273	Ngô Thị Như Hải	26/06/1995	LT23.1FT007				
24	000164	35171021738	Nguyễn Trí Hải	27/02/1993	LT22KN004				
25	000165	35181021134	Đặng Thị Thu Hào	30/08/1995	LT23.1FT006				
26	000166	35181025230	Trương Thị Hào	20/12/1996	LT23.2FN00				
27	000167	35181020443	Bùi Thị Thanh Hạnh	13/08/1992	LT23.1FT003				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B212 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000168	35191020318	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	06/05/1994	LT24.1AD01				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B213 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000169	35171021583	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	03/09/1990	LT22KN004				
2	000170	35181020605	Trần Minh Hạnh	11/11/1996	LT23.1KN00				
3	000171	35181025614	Võ Thị Mỹ Hạnh	11/04/1992	LT23.2AD00				
4	000172	35181025329	Châu Thanh Hằng	01/03/1997	LT23.2KN00				
5	000173	35181020471	Dương Thị Thanh Hằng	10/10/1993	LT23.1FT002				
6	000174	35181025202	Hồ Thị Hằng	10/09/1991	LT23.2KN00				
7	000175	35171020720	Huỳnh Thị Phương Hằng	28/06/1994	LT22NH001				
8	000176	35181025385	Huỳnh Thị Thanh Hằng	07/08/1997	LT23.2FN00				
9	000177	35181025340	Lê Thị Thúy Hằng	14/10/1992	LT23.2KN00				
10	000178	35181020974	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/12/1991	LT23.1NH00				
11	000179	35181020831	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/06/1996	LT23.1KN00				
12	000180	35181020889	Nguyễn Thu Hằng	26/10/1989	LT23.1FN00				
13	000181	35171020872	Võ Lưu Hằng	01/07/1993	LT22NH001				
14	000182	35161021138	Võ Thị Thu Hằng	22/12/1992	LT21KN006				
15	000183	35171021349	Huỳnh Thị Vũ Hân	08/11/1989	LT22KN005				
16	000184	35171021101	Lê Huỳnh Kim Hân	21/08/1993	LT22KN001				
17	000185	35161022734	Nguyễn Mai Hân	02/07/1991	LT21KN006				
18	000186	35181020096	Diệp Trần Phúc Hậu	20/06/1994	LT23.1AD00				
19	000187	35181021323	Nguyễn Thành Hậu	15/10/1989	LT23.1KN00				
20	000188	35181020106	Nguyễn Trung Hậu	24/02/1993	LT23.1AD00				
21	000189	35181020127	Võ Thị Thu Hậu	24/07/1996	LT23.1AD00				
22	000190	35171021534	Liêm Hiên	28/05/1993	LT22KN003				
23	000191	35181021355	Lê Thị Hiên	12/10/1994	LT23.1KN00				
24	000192	35181021035	Lê Thị Thu Hiên	15/08/1992	LT23.1AD00				
25	000193	35181021359	Lý Thu Hiên	13/08/1994	LT23.1FT003				
26	000194	35181020574	Nguyễn Kim Hiên	18/06/1996	LT23.1FT007				
27	000195	35191020363	Nguyễn Thị Hiên	05/08/1991	LT24.1KN03				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B213 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000196	35181020801	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/09/1995	LT23.1KN00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B215 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000197	35181020906	Phan Thị Hiền	25/01/1996	LT23.1FN00				
2	000198	35181025207	Phạm Đỗ Thị Diệu Hiền	25/01/1990	LT23.2KN00				
3	000199	35181020360	Tạ Thị Thanh Hiền	17/06/1996	LT23.1FT003				
4	000200	35181020984	Trần Thanh Hiền	04/11/1992	LT23.1NH00				
5	000201	35171021049	Trần Thị Hiền	09/11/1990	LT22KN005				
6	000202	35181020185	Trần Thị Hiền	15/01/1996	LT23.1AD00				
7	000203	35181021147	Trần Thị Lệ Hiền	25/01/1991	LT23.1KN00				
8	000204	35181025458	Trần Thị Minh Hiền	15/05/1995	LT23.2KN00				
9	000205	35181021151	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1994	LT23.1FT006				
10	000206	35171021315	Trần Ngọc Minh Hiếu	11/01/1995	LT22AD003				
11	000207	35191020252	Nguyễn Thị Hoàng Hiệp	20/05/1995	LT24.1KN01				
12	000208	35181021236	Đông Thị Hoa	29/01/1994	LT23.1FT005				
13	000209	35171021085	Hồ Thị Hoa	20/10/1994	LT22KN006				
14	000210	35181020675	Nguyễn Thị Kim Hoa	24/10/1994	LT23.1KN00				
15	000211	35181020971	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	09/09/1993	LT23.1KN00				
16	000212	35181021181	Tôn Nữ Hoàng Hoanh	19/02/1996	LT23.1FN00				
17	000213	35181021222	Phạm Thị Thu Hoàn	17/11/1991	LT23.1FT006				
18	000214	35161022425	Ngô Lê Thị Kim Hoàng	01/11/1989	LT21FT001				
19	000215	35171020504	Trần Minh Hoàng	01/02/1994	LT22FT002				
20	000216	35171020726	Trần Nguyễn Phi Hoàng	01/01/1994	LT22NH001				
21	000217	35181020304	Võ Thị Hoàng	21/09/1995	LT23.1FT003				
22	000218	35181020610	Huỳnh Khánh Hòa	17/08/1996	LT23.1KN00				
23	000219	35181020383	Nguyễn Tiến Hòa	21/05/1996	LT23.1FT007				
24	000220	35171020901	Nguyễn Thị Ánh Hồ	08/03/1987	LT22KN004				
25	000221	35181020884	Hồ Thị Mỹ Hồng	11/11/1996	LT23.1KN00				
26	000222	35181020368	Lê Thị Thu Hồng	25/04/1995	LT23.1FT004				
27	000223	35161020543	Phạm Thị Cẩm Hồng	23/05/1993	LT21AD003				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B215 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000224	35181020873	Nguyễn Thị Huệ	09/06/1991	LT23.1KN00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B216 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000225	35181025231	Nguyễn Thị Kim Huệ	16/11/1994	LT23.2KN00				
2	000226	35181020578	Phạm Thị Thu Huệ	10/03/1995	LT23.1KN00				
3	000227	35171021238	Huỳnh Quốc Huy	21/09/1995	LT22KN005				
4	000228	35191020277	Huỳnh Thanh Huy	00/ /1990	LT24.1KN03				
5	000229	35181020202	Nguyễn Thanh Ngọc Huyền	17/07/1993	LT23.1AD00				
6	000230	35181020846	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	14/08/1996	LT23.1FN00				
7	000231	35181025498	Phạm Nguyễn Văn Huyền	16/06/1994	LT23.2FN00				
8	000232	35181025514	Trần Ngọc Mỹ Huyền	24/05/1996	LT23.2KN00				
9	000233	35181021264	Trần Thị Thu Huyền	12/03/1994	LT23.1FT003				
10	000234	35181021288	Vũ Thị Huyền	01/04/1996	LT23.1AD00				
11	000235	35181020716	Vũ Thị Thanh Huyền	07/07/1995	LT23.1KN00				
12	000236	35181020689	Lưu Thị Mộng Huỳnh	14/09/1996	LT23.1KN00				
13	000237	35171020475	Phạm Ngọc Huỳnh	16/06/1993	LT22FT001				
14	000238	35181020877	Hoàng Tiên Hùng	07/03/1993	LT23.1FN00				
15	000239	35161023610	Nguyễn Thanh Hùng	02/05/1994	LT21NH002				
16	000240	35181025600	Phan Trần Ngọc Hùng	15/05/1996	LT23.2FT001				
17	000241	35181020152	Dương Tấn Hưng	05/05/1995	LT23.1AD00				
18	000242	35181020854	Đoàn Thị Tuyết Hương	15/01/1994	LT23.1FN00				
19	000243	35171020756	Đỗ Thị Lan Hương	14/06/1994	LT22FN001				
20	000244	35181021120	Đỗ Thị Thiên Hương	14/10/1994	LT23.1KN00				
21	000245	35181020005	Lê Thị Thanh Hương	27/03/1996	LT23.1AD00				
22	000246	35181025159	Liêu Ngọc Hương	08/10/1993	LT23.2KN00				
23	000247	35171021644	Lư Thị Quốc Hương	26/05/1993	LT22KN003				
24	000248	35181025147	Nguyễn Thị Hương	08/05/1996	LT23.2AD00				
25	000249	35171020975	Nguyễn Thị Diễm Hương	01/02/1992	LT22KN003				
26	000250	35171020748	Nguyễn Thị Lan Hương	18/11/1993	LT22NH002				
27	000251	35181020458	Nguyễn Thị Lan Hương	22/09/1996	LT23.1FT002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B216 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000252	35181021038	Nguyễn Thị Thái Huong	15/07/1991	LT23.1FN00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B310 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000253	35181020198	Phạm Thị Hương	20/05/1993	LT23.1AD00				
2	000254	35181025363	Trần Nguyễn Yến Hương	09/01/1997	LT23.2FT001				
3	000255	35181020778	Trần Thị Hương	15/01/1992	LT23.1KN00				
4	000256	35181025204	Trần Thị Thanh Hương	06/05/1992	LT23.2KN00				
5	000257	35181020491	Từ Thị Hồng Hương	09/08/1996	LT23.1KN00				
6	000258	35191020495	Võ Thị Thu Hương	30/04/1996	LT24.1KN02				
7	000259	35181020646	Đoàn Thị Bé Hường	20/01/1993	LT23.1KN00				
8	000260	35171021508	Hoàng Thị Hường	19/12/1991	LT22KN003				
9	000261	35181020525	Hồng Thị Hường	07/06/1992	LT23.1KN00				
10	000262	35181020140	Lương Thị Kim Hường	13/01/1995	LT23.1AD00				
11	000263	35181020178	Trần Tố Hữu	25/06/1991	LT23.1AD00				
12	000264	35181020084	Lê Trọng Khang	12/01/1992	LT23.1KN00				
13	000265	35181020137	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	25/01/1995	LT23.1KN00				
14	000266	35181020399	Nguyễn Văn Ngọc Khải	13/02/1997	LT23.1FT002				
15	000267	35181025428	Đỗ Huỳnh Minh Khánh	25/07/1997	LT23.2KN00				
16	000268	35171020759	Vương Quốc Khánh	01/09/1990	LT22NH002				
17	000269	35181020448	Lê An Khâm	01/01/1992	LT23.1FT003				
18	000270	35181025535	Đặng Thị Khoa	16/06/1992	LT23.2FN00				
19	000271	35181020925	Huỳnh Thị Anh Khoa	10/04/1996	LT23.1KN00				
20	000272	35161020351	Lê Ngọc Đăng Khoa	04/12/1994	LT21AD003				
21	000273	35171020302	Nguyễn Đoàn Anh Khoa	09/06/1993	LT22FT003				
22	000274	35171020898	Phan Thị Bích Khuyên	27/02/1993	LT22KN002				
23	000275	35181020893	Đình Quang Kiên	25/12/1996	LT23.1FN00				
24	000276	35181020288	Bùi Thúy Kiều	02/12/1997	LT23.1FT001				
25	000277	35181021272	Đặng Thị Thúy Kiều	30/11/1989	LT23.1FT006				
26	000278	35181025150	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	01/04/1992	LT23.2KN00				
27	000279	35171021323	Phan Thị Việt Kiều	16/11/1992	LT22KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B310 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000280	35181021033	Phạm Thị Thúy	Kiều	02/01/1994	LT23.1FN00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B311 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000281	35181020802	Trương Thị Diễm Kiều	12/10/1990	LT23.1KN00				
2	000282	35181025071	Vũ Thị Diễm Kiều	15/08/1995	LT23.2AD00				
3	000283	35171021262	Huỳnh Thiên Kim	17/05/1994	LT22KN003				
4	000284	35181020598	Phạm Quới Kim	02/01/1986	LT23.1KN00				
5	000285	35181025405	Quan Thị Thiên Kim	26/08/1997	LT23.2FT00				
6	000286	35181021325	Hoàng Thị Lan	28/11/1993	LT23.1FN00				
7	000287	35181025457	Hồ Ngọc Lan	28/06/1993	LT23.2KN00				
8	000288	35181020783	Mai Hương Lan	02/10/1996	LT23.1KN00				
9	000289	35181020255	Nguyễn Vạn Ngọc Lan	03/01/1996	LT23.1FT00				
10	000290	35181020866	Nguyễn Quốc Lập	02/08/1993	LT23.1NH00				
11	000291	35161022697	Trương Thị Hồng Lê	04/01/1991	LT21KN001				
12	000292	35181021166	Trần Thị Lên	20/02/1995	LT23.1FT00				
13	000293	35171020648	Hoàng Thị Mỹ Lệ	20/03/1990	LT22FN001				
14	000294	35181020516	Hồ Khả Diệu Liên	21/07/1988	LT23.1KN00				
15	000295	35181025118	Lê Thị Mỹ Liên	19/09/1990	LT23.2AD00				
16	000296	35171020884	Lý Thị Liên	24/12/1993	LT22NH001				
17	000297	35171021686	Nguyễn Thị Xuân Liên	24/08/1994	LT22KN005				
18	000298	35181021028	Đặng Thị Bé Liễu	10/02/1989	LT23.1KN00				
19	000299	35161023377	Nguyễn Thị Bích Liễu	23/01/1992	LT21AD002				
20	000300	35161022963	Giản Thị Hơ Lim	16/06/1992	LT21KN002				
21	000301	35181025200	Bùi Thụy Phương Linh	26/01/1993	LT23.2KN00				
22	000302	35161021573	Đào Huệ Linh	10/09/1992	LT21KN003				
23	000303	35181020257	Đình Hoàng Linh	25/08/1996	LT23.1AD00				
24	000304	35171021874	Mai Ái Linh	27/01/1993	LT22AD001				
25	000305	35181020126	Nguyễn Hoàng Tất Linh	10/01/1992	LT23.1AD00				
26	000306	35181020821	Nguyễn Thị Khánh Linh	11/05/1995	LT23.1KN00				
27	000307	35181020989	Nguyễn Thị Mai Linh	05/06/1984	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B311 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000308	35181021314	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/02/1993	LT23.1KN00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B312 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000309	35181020062	Nguyễn Thị Ngọc Linh	31/10/1996	LT23.1AD00				
2	000310	35181020042	Nguyễn Thị Thùy Linh	20/10/1994	LT23.1KN00				
3	000311	35181025065	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/04/1996	LT23.2AD00				
4	000312	35181025081	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/01/1988	LT23.2AD00				
5	000313	35181020493	Phan Thị Mỹ Linh	18/07/1995	LT23.1KN00				
6	000314	35171021757	Tô Thị Thùy Linh	24/08/1992	LT22KN006				
7	000315	35161020256	Trần Huỳnh Nhật Linh	23/03/1994	LT21AD003				
8	000316	35191020069	Trần Lê Thy Linh	04/10/1990	LT24.1AD01				
9	000317	35181025201	Trần Thị Ngọc Linh	20/03/1994	LT23.2KN00				
10	000318	35181021001	Trần Yến Linh	11/10/1990	LT23.1FN00				
11	000319	35171021078	Bùi Thị Tuyết Loan	08/04/1990	LT22NH002				
12	000320	35171020132	Hồ Thị Kiều Loan	02/04/1992	LT22AD001				
13	000321	35181020254	Lê Thị Hồng Loan	05/12/1996	LT23.1FT003				
14	000322	35181020435	Lưu Thị Phương Loan	10/10/1991	LT23.1AD00				
15	000323	35181020400	Nguyễn Thị Loan	30/03/1994	LT23.1FT002				
16	000324	35181025181	Nguyễn Thị Thanh Loan	11/03/1996	LT23.2KN00				
17	000325	35181025152	Phan Thị Loan	15/08/1992	LT23.2KN00				
18	000326	35171021871	Phùng Thị Kim Loan	26/02/1994	LT22FT003				
19	000327	35181020891	Châu Ngọc Long	16/04/1996	LT23.1FN00				
20	000328	35171020725	Đào Xía Long	14/07/1994	LT22NH002				
21	000329	35181020407	Nguyễn Hữu Long	04/05/1993	LT23.1FT004				
22	000330	35171021857	Nguyễn Văn Luân	01/09/1993	LT22AD003				
23	000331	35181020593	Nguyễn Thị Luận	09/06/1996	LT23.1KN00				
24	000332	35181021198	Nguyễn Thị Luyện	26/05/1990	LT23.1AD00				
25	000333	35181021049	Nguyễn Thị Lụa	02/06/1993	LT23.1KN00				
26	000334	35181025314	Nguyễn Thị Lựu	26/12/1994	LT23.2FN00				
27	000335	35181020467	Nguyễn Thị Lê Ly	18/09/1994	LT23.1FT002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B312 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000336	35181020283	Nguyễn Thị Mai Ly	20/06/1996	LT23.1FT001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B313 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000337	35171021008	Nguyễn Trần Thị Hải Ly	15/12/1993	LT22NH001				
2	000338	35191020393	Cao Thị Hồng Lý	15/02/1998	LT24.1KN02				
3	000339	35181025602	Hồ Thị Mai Lý	07/12/1997	LT23.2FN00				
4	000340	35181025423	Nguyễn Thị Lý	20/02/1991	LT23.2FT001				
5	000341	35171021278	Bùi Thị Tuyết Mai	06/08/1991	LT22KN003				
6	000342	35181025133	Đặng Thị Trúc Mai	02/02/1993	LT23.2KN00				
7	000343	35181021046	Hà Tuyết Mai	21/08/1993	LT23.1FN00				
8	000344	35181021128	Lê Thị Mai	10/08/1992	LT23.1KN00				
9	000345	35181020481	Nguyễn Thị Mai	17/10/1986	LT23.1KN00				
10	000346	35181021300	Nguyễn Thị Thu Mai	08/07/1993	LT23.1NH00				
11	000347	35181020425	Nguyễn Thị Thùy Mai	11/01/1996	LT23.1FT007				
12	000348	35181020651	Nguyễn Thị Thúy Mai	10/02/1993	LT23.1KN00				
13	000349	35181021123	Phạm Thị Trúc Mai	06/02/1995	LT23.1FT003				
14	000350	35181025440	Trần Đại Mạnh	15/07/1993	LT23.2FN00				
15	000351	35181020860	Trương Hoàng Mi Mi	24/11/1996	LT23.1FN002				
16	000352	35181025110	Phạm Trinh Diễm My	24/06/1993	LT23.2FT001				
17	000353	35181020647	Thái Thị Diễm My	02/04/1994	LT23.1KN00				
18	000354	35161022265	Nguyễn Thị My	01/03/1981	LT21FT002				
19	000355	35181021362	Trần Phương Nam	16/02/1992	LT23.1AD00				
20	000356	35181025213	Đặng Thị Nên	01/06/1994	LT23.2KN00				
21	000357	35181021172	Đình Trần Thu Nga	12/06/1994	LT23.1FT001				
22	000358	35181021155	Nguyễn Thị Hồng Nga	04/08/1996	LT23.1KN00				
23	000359	35181025305	Phạm Thị Thanh Nga	26/11/1992	LT23.2KN00				
24	000360	35181020237	Trần Thị Kim Nga	23/07/1994	LT23.1FT003				
25	000361	35181025075	Võ Thị Thu Nga	21/11/1993	LT23.2KN00				
26	000362	35181020510	Vũ Thanh Nga	24/04/1979	LT23.1KN00				
27	000363	35181020555	Vũ Thị Quỳnh Nga	06/10/1994	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B313 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000364	35171020718	Lê Thành Ngà	28/05/1991	LT22NH001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B315 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000365	35181025220	Nguyễn Thị Thu Ngà	12/08/1996	LT23.2KN00				
2	000366	35181020187	Bùi Thị Thảo Ngân	17/10/1996	LT23.1AD00				
3	000367	35171021501	Dương Thị Thùy Ngân	22/03/1993	LT22NH001				
4	000368	35171021146	Hồ Thị Kim Ngân	13/07/1992	LT22KN006				
5	000369	35181021014	Huỳnh Lê Thị Bảo Ngân	26/12/1991	LT23.1FN00				
6	000370	35181020532	Lê Thị Bích Ngân	06/03/1994	LT23.1KN00				
7	000371	35181021336	Lê Thị Tố Ngân	17/07/1994	LT23.1FN00				
8	000372	35181021132	Ngô Thị Thảo Ngân	26/07/1995	LT23.1KN00				
9	000373	35171020457	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/06/1993	LT22MR001				
10	000374	35181020790	Nguyễn Thị Thu Ngân	21/10/1996	LT23.1KN00				
11	000375	35181020944	Nguyễn Thị Thủy Ngân	02/10/1992	LT23.1KN00				
12	000376	35181025601	Phạm Phương Ngân	28/11/1997	LT23.2FN00				
13	000377	35181020286	Trần Thị Kim Ngân	16/09/1995	LT23.1FT00				
14	000378	35181020462	Nguyễn Thị Minh Nghĩa	06/06/1994	LT23.1FT00				
15	000379	35181020779	Võ Thị Minh Ngoan	10/06/1993	LT23.1KN00				
16	000380	35181020908	Bùi Phan Kim Ngọc	06/05/1994	LT23.1FN00				
17	000381	35161023395	Bùi Thị Hồng Ngọc	19/11/1989	LT21KN002				
18	000382	35171021415	Dương Thị Ngọc	02/01/1993	LT22KN006				
19	000383	35181020216	Đào Bội Ngọc	13/05/1996	LT23.1AD00				
20	000384	35181020182	Đào Thị Liên Ngọc	19/09/1990	LT23.1AD00				
21	000385	35171021356	Đỗ Thị Hồng Ngọc	01/10/1992	LT22KN001				
22	000386	35181020950	Huỳnh Hồng Diễm Ngọc	24/08/1994	LT23.1FN00				
23	000387	35171020109	Lê Hồng Ngọc	20/08/1993	LT22AD002				
24	000388	35181020053	Lê Thị Bích Ngọc	19/04/1996	LT23.1AD00				
25	000389	35171020522	Mai Thị Mỹ Ngọc	04/04/1993	LT22FT003				
26	000390	35181020684	Ngô Thị Kim Ngọc	01/11/1992	LT23.1KN00				
27	000391	35171020653	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	18/07/1992	LT22NH002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B315 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000392	35161022579	Nguyễn Thành Ngọc	02/02/1993	LT21KN003				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B316 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000393	35181020736	Nguyễn Thị Ngọc	22/09/1996	LT23.1KN00				
2	000394	35181020250	Nguyễn Thị Bích Ngọc	07/09/1994	LT23.1FT006				
3	000395	35181025527	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/01/1992	LT23.2KN00				
4	000396	35171021305	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	24/02/1994	LT22KN003				
5	000397	35181020456	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/04/1996	LT23.1FT007				
6	000398	35181020576	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	20/06/1996	LT23.1KN00				
7	000399	35181020384	Nguyễn Trần Hồng Ngọc	29/12/1994	LT23.1FT007				
8	000400	35181023001	Phan Thị Ngọc	16/01/1990	LT23.1KN00				
9	000401	35181020450	Phạm Thị Thảo Ngọc	11/07/1996	LT23.1FT003				
10	000402	35161021840	Trần Thị Lan Ngọc	04/02/1991	LT21KN005				
11	000403	35181020796	Triệu Mỹ Ngọc	15/05/1996	LT23.1KN00				
12	000404	35171021570	Trương Khánh Ngọc	10/04/1978	LT22KN005				
13	000405	35181020331	Trương Nguyễn Ánh Ngọc	06/10/1996	LT23.1FT006				
14	000406	35161021702	Võ Minh Ngọc	07/04/1994	LT21KN006				
15	000407	35181020227	Ngô Thị Ngôn	24/02/1993	LT23.1AD00				
16	000408	35171020298	Đoàn Khắc Nguyên	08/06/1994	LT22KM001				
17	000409	35181021271	Mai Ngọc Xuân Nguyên	15/01/1995	LT23.1KN00				
18	000410	35181021266	Phan Thị Thảo Nguyên	15/11/1990	LT23.1AD00				
19	000411	35171021074	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	01/06/1990	LT22KN003				
20	000412	35171020697	Phạm Thị Nguyệt	02/01/1993	LT22FN001				
21	000413	35181025277	Nguyễn Thị Ngừng	01/05/1994	LT23.2FN00				
22	000414	35181021158	Nguyễn Thành Nhân	20/08/1993	LT23.1FN001				
23	000415	35171021713	Trần Thị Minh Nhật	20/04/1991	LT22KN005				
24	000416	35181020247	Đoàn Thị Yến Nhi	16/08/1995	LT23.1FT005				
25	000417	35171020152	Huỳnh Lê Yến Nhi	03/10/1990	LT22NH001				
26	000418	35171021696	Lư Ngọc Nhi	29/03/1992	LT22FN001				
27	000419	35181025076	Lý Phu Nhi	18/05/1993	LT23.2AD00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B316 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000420	35181020377	Nguyễn Thị Lệ Nhi	03/04/1994	LT23.1FT006				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B410 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000421	35191020441	Nguyễn Thị Thu Nhi	26/04/1987	LT24.1KN02				
2	000422	35181021279	Nguyễn Thị Trúc Nhi	07/09/1992	LT23.1AD00				
3	000423	35161021690	Nguyễn Thị Yến Nhi	01/01/1988	LT21KN003				
4	000424	35181020381	Tô Ngọc Mai Nhi	26/11/1996	LT23.1FT003				
5	000425	35171021475	Trần Thị Kiều Nhi	20/10/1992	LT22KN006				
6	000426	35181020009	Trần Thị Yến Nhi	25/10/1996	LT23.1AD00				
7	000427	35181020284	Trần Yến Nhi	27/10/1996	LT23.1FT004				
8	000428	35171020124	Trương Nguyễn Yến Nhi	05/10/1993	LT22AD001				
9	000429	35181020715	Võ Thị Ý Nhi	23/11/1996	LT23.1KN00				
10	000430	35181025077	Trần Thanh Nhiên	29/01/1996	LT23.2FT001				
11	000431	35171020646	Dương Văn Nhóm	26/11/1992	LT22NH002				
12	000432	35181020761	Dương Thị Mỹ Nhung	23/08/1993	LT23.1NH00				
13	000433	35171021482	Đặng Thị Hồng Nhung	24/03/1994	LT22KN001				
14	000434	35181020557	Hồ Thị Hồng Nhung	20/12/1990	LT23.1KN00				
15	000435	35171021514	Lê Thị Hồng Nhung	25/07/1992	LT22KN005				
16	000436	35181025547	Ngô Thị Nhung	08/03/1993	LT23.2FN00				
17	000437	35181020582	Nguyễn Thị Nhung	02/07/1991	LT23.1KN00				
18	000438	35161023230	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	26/06/1987	LT21KN005				
19	000439	35181020439	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/01/1996	LT23.1FT002				
20	000440	35181020487	Phan Thị Nhung	20/10/1994	LT23.1KN00				
21	000441	35171021388	Phan Thị Cẩm Nhung	20/07/1994	LT22KN003				
22	000442	35181025339	Phạm Thị Mỹ Nhung	22/10/1995	LT23.2KN00				
23	000443	35181020083	Trần Ngọc Hồng Nhung	16/01/1996	LT23.1AD00				
24	000444	35181020201	Trần Thị Hoàng Nhung	29/07/1992	LT23.1AD00				
25	000445	35171021793	Trần Thị Kim Nhung	15/11/1988	LT22KN006				
26	000446	35181020166	Võ Thị Hồng Nhung	29/06/1993	LT23.1AD00				
27	000447	35181020494	Đặng Thị Huỳnh Như	14/10/1996	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B410 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000448	35171021584	Đình Thị Quỳnh Nhu	17/12/1992	LT22FN001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B411 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000449	35181020477	Lê Thị Quỳnh Như	06/07/1996	LT23.1KN00				
2	000450	35181020953	Mai Thị Quỳnh Như	28/08/1996	LT23.1NH00				
3	000451	35181025083	Nguyễn Thị Cẩm Như	15/05/1994	LT23.2FT00				
4	000452	35171021287	Trần Thị Quỳnh Như	19/10/1992	LT22KN003				
5	000453	35171021803	Trần Thị Quỳnh Như	13/12/1985	LT22KN002				
6	000454	35181020556	Võ Hoàng Tuyết Như	02/12/1994	LT23.1KN00				
7	000455	35171021239	Võ Thị Huỳnh Như	04/10/1995	LT22KN001				
8	000456	35181025131	Nguyễn Thị Minh Nhựt	02/10/1996	LT23.2KN00				
9	000457	35181021115	Vũ Thị Nôn	09/10/1987	LT23.1FT00				
10	000458	35181020022	Bùi Thị Mỹ Nương	28/11/1996	LT23.1AD00				
11	000459	35171021326	Phạm Thị Nương	09/11/1992	LT22KN004				
12	000460	35181025033	Đào Thị Ngọc Nữ	07/05/1991	LT23.2AD00				
13	000461	35181020551	Lê Thị Kim Oanh	15/06/1994	LT23.1KN00				
14	000462	35181021159	Trần Thị Kim Oanh	26/09/1994	LT23.1AD00				
15	000463	35181021363	Vũ Thị Kim Oanh	10/11/1991	LT23.1AD00				
16	000464	35181025169	Trần Thị Kim Pháp	22/07/1994	LT23.2FT00				
17	000465	35181025199	Nguyễn Tấn Phát	03/06/1993	LT23.2AD00				
18	000466	35181025455	Trần Hứa Huệ Phân	16/07/1997	LT23.2KN00				
19	000467	35181020564	Trịnh Thị Kim Phê	17/03/1995	LT23.1KN00				
20	000468	35181020393	Nguyễn Thị Yến Phi	13/04/1992	LT23.1FT00				
21	000469	35171020379	Nguyễn Thanh Phong	16/06/1990	LT22FT001				
22	000470	35181025389	Nguyễn Thanh Phong	22/03/1994	LT23.2FN00				
23	000471	35181020403	Tôn Thanh Phong	04/05/1996	LT23.1FT00				
24	000472	35181025577	Phan Thị Phới	27/03/1997	LT23.2FT00				
25	000473	35181020464	Nguyễn Hữu Phú	21/11/1991	LT23.1FT00				
26	000474	35181021153	Đàm Ngọc Phúc	24/02/1991	LT23.1FT00				
27	000475	35181025540	Ngô Phúc	17/09/1989	LT23.2AD00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B411 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000476	35171021622	Nguyễn Thị Thanh Phúc	01/06/1991	LT22KN003				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B412 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000477	35181025185	Trương Thị Phúc	04/03/1993	LT23.2KN00				
2	000478	35181021292	Vũ Thị Hồng Phúc	01/12/1993	LT23.1KN00				
3	000479	35181025239	Hoàng Trần Diễm Phụng	05/02/1994	LT23.2FN00				
4	000480	35161023156	Lê Thị Thu Phụng	25/07/1994	LT21AD003				
5	000481	35181021367	Nguyễn Thị Phụng	14/04/1990	LT23.1KN00				
6	000482	35181025151	Bùi Thị Trúc Phương	20/10/1992	LT23.2KN00				
7	000483	35181021191	Đặng Hồng Phương	12/04/1993	LT23.1FN00				
8	000484	35171020880	Hoàng Thị Nam Phương	25/01/1992	LT22NH001				
9	000485	35181020274	Huỳnh Ngọc Phương	16/11/1993	LT23.1FT004				
10	000486	35181025161	Lê Hồng Phương	17/12/1988	LT23.2KN00				
11	000487	35181021119	Nguyễn Thị Phương	25/07/1990	LT23.1KN00				
12	000488	35181025338	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/11/1996	LT23.2FT001				
13	000489	35181021121	Nguyễn Thị Trúc Phương	27/12/1994	LT23.1FT006				
14	000490	35181020374	Phan Trần Ngọc Mai Phương	09/01/1996	LT23.1FT002				
15	000491	35181020348	Phạm Thị Thúy Phương	03/03/1990	LT23.1AD00				
16	000492	35171020679	Trần Thị Nhã Phương	05/11/1994	LT22FN002				
17	000493	35191020246	Trần Thị Như Phương	08/10/1996	LT24.1KN01				
18	000494	35181021307	Trần Việt Phương	14/02/1992	LT23.1AD00				
19	000495	35181020658	Phan Thị Thiện Phước	07/05/1993	LT23.1KN00				
20	000496	35161023482	Lê Huỳnh Ngọc Phương	08/06/1994	LT21KN005				
21	000497	35181025102	Nguyễn Đặng Ánh Phương	16/02/1996	LT23.2FT001				
22	000498	35181020446	Nguyễn Kim Bích Phương	04/10/1991	LT23.1FT003				
23	000499	35181021095	Trần Thị Phương	21/01/1996	LT23.1KN00				
24	000500	35181021026	Đặng Thị Quang	23/09/1991	LT23.1FN00				
25	000501	35181020014	Đặng Trần Quang	02/04/1994	LT23.1AD00				
26	000502	35181021248	Nguyễn Trần Duy Quang	04/09/1991	LT23.1FT004				
27	000503	35171020247	Trần Nhật Quang	13/06/1993	LT22AD002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B412 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000504	35181025287	Cao Minh	Quân	06/08/1993	LT23.2AD00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B413 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000505	35171021716	Nguyễn Thị Bích Quý	09/02/1993	LT22KN006				
2	000506	35171020203	Nguyễn Thị Bích Quy	11/04/1995	LT22AD003				
3	000507	35171021502	Dương Lê Thục Quyên	12/04/1994	LT22NH001				
4	000508	35181021238	Đào Nguyễn Kim Quyên	29/05/1992	LT23.1FT005				
5	000509	35191020524	Đỗ Thị Anh Quyên	10/02/1987	LT24.1KN02				
6	000510	35181020558	Lâm Đỗ Hoàng Quyên	21/07/1988	LT23.1AD00				
7	000511	35181025416	Nguyễn Hồng Cẩm Quyên	02/09/1997	LT23.2AD00				
8	000512	35181020192	Nguyễn Thị Huỳnh Quyên	09/08/1995	LT23.1AD00				
9	000513	35171020659	Phạm Thị Hồng Quyên	25/10/1992	LT22NH002				
10	000514	35181020346	Trần Công Quyên	09/02/1990	LT23.1FT003				
11	000515	35181020447	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	09/12/1996	LT23.1KN00				
12	000516	35191020436	Nguyễn Thị Như Quỳnh	05/05/1991	LT24.1KN02				
13	000517	35181020080	Huỳnh Hữu Quý	30/08/1994	LT23.1AD00				
14	000518	35181025326	Nguyễn Sang	25/10/1995	LT23.2AD00				
15	000519	35171021064	Phạm Thị Ngọc Sang	11/03/1992	LT22KN002				
16	000520	35181020355	Nguyễn Thị Sinh	23/10/1994	LT23.1FT006				
17	000521	35181021087	Trần Vương Thanh Soan	24/03/1991	LT23.1FT005				
18	000522	35181020890	Nguyễn Sơn	27/09/1989	LT23.1FN001				
19	000523	35171020047	Phạm Văn Sơn	10/03/1986	LT22AD002				
20	000524	35181020078	Nguyễn Văn Suốt	06/06/1992	LT23.1AD00				
21	000525	35171021594	Trần Tiến Sỹ	10/07/1990	LT22FN001				
22	000526	35171020164	Bùi Hữu Tài	28/05/1992	LT22AD002				
23	000527	35181021091	Bùi Hữu Tài	14/08/1996	LT23.1FT002				
24	000528	35181020130	Hồ Thanh Tài	10/08/1984	LT23.1AD00				
25	000529	35181020946	Nguyễn Thành Tài	13/12/1992	LT23.1NH00				
26	000530	35181025377	Đoàn Thị Tánh	20/03/1993	LT23.2KN00				
27	000531	35181020500	Nguyễn Nữ Minh Tâm	28/11/1993	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B413 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000532	35181025537	Trần Thanh	Tâm	10/12/1993	LT23.2AD00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B415 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000533	35181020607	Trần Thị Thu	Tâm	17/12/1996	LT23.1KN00				
2	000534	35171021535	Trương Thị Thanh	Tâm	08/04/1993	LT22KN005				
3	000535	35181020174	Hà Văn	Tân	19/01/1993	LT23.1AD00				
4	000536	35171020685	Đặng Ngọc Thiên	Thanh	30/01/1993	LT22NH001				
5	000537	35181020973	Đặng Thị Phương	Thanh	25/01/1991	LT23.1FN00				
6	000538	35181020571	Lê Hoàng	Thanh	24/01/1996	LT23.1KN00				
7	000539	35181020212	Nguyễn Thị Đan	Thanh	28/11/1993	LT23.1AD00				
8	000540	35171020092	Nguyễn Thị Kim	Thanh	07/05/1993	LT22AD001				
9	000541	35181021364	Nguyễn Văn	Thanh	10/09/1992	LT23.1FT005				
10	000542	35181025162	Trần Thị Thanh	Thanh	30/09/1996	LT23.2KN00				
11	000543	35181025091	Trương Thị Quỳnh	Thanh	06/08/1996	LT23.2KN00				
12	000544	35181020822	Văn Thị	Thanh	02/05/1985	LT23.1KN00				
13	000545	35181020780	Võ Thị Hoài	Thanh	12/05/1994	LT23.1KN00				
14	000546	35181025078	Huỳnh Tấn	Thành	11/01/1996	LT23.2FT001				
15	000547	35181020186	Nguyễn Hữu	Thành	31/08/1988	LT23.1AD00				
16	000548	35181020637	Nguyễn Tiên	Thành	03/10/1993	LT23.1FT007				
17	000549	35181020826	Dương Thị	Thảo	24/04/1993	LT23.1FT006				
18	000550	35171020605	Đặng Thị Hương	Thảo	16/07/1993	LT22FT002				
19	000551	35181020672	Huỳnh Lê Đoàn	Thảo	29/05/1994	LT23.1KN00				
20	000552	35181020243	Huỳnh Thanh	Thảo	07/03/1993	LT23.1FN003				
21	000553	35171020181	Lê Thị Bích	Thảo	05/03/1993	LT22AD001				
22	000554	35181025172	Lư Thụy Thanh	Thảo	12/01/1996	LT23.2KN00				
23	000555	35181021319	Lương Công	Thảo	21/09/1992	LT23.1AD00				
24	000556	35181021065	Nguyễn Hiếu Thanh	Thảo	04/03/1995	LT23.1FT004				
25	000557	35181020723	Nguyễn Thị Minh	Thảo	19/12/1994	LT23.1KN00				
26	000558	35181025134	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/02/1990	LT23.2FN00				
27	000559	35181020876	Nguyễn Thụy Thanh	Thảo	27/08/1994	LT23.1NH00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B415 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000560	35171020359	Phan Thanh Thảo	24/04/1994	LT22FT003				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B115 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000561	35181020296	Phạm Nguyễn Ngọc Thảo	10/12/1996	LT23.1FT003				
2	000562	35161023465	Phạm Thạch Thảo	20/11/1991	LT21KN005				
3	000563	35181020676	Phạm Thị Thanh Thảo	30/10/1991	LT23.1KN00				
4	000564	35161020002	Tô Nguyên Thảo	09/03/1993	LT21FT003				
5	000565	35171020209	Trần Ngọc Thảo	22/01/1993	LT22AD002				
6	000566	35171021779	Trần Thị Huỳnh Thảo	15/05/1994	LT22KN005				
7	000567	35181020565	Trần Thị Phương Thảo	19/10/1995	LT23.1KN00				
8	000568	35181020577	Trần Thị Phương Hồng Thảo	10/06/1996	LT23.1KN00				
9	000569	35181020567	Trịnh Thị Thu Thảo	06/05/1996	LT23.1KN00				
10	000570	35171021625	Trương Thị Thảo	10/08/1992	LT22FT003				
11	000571	35181020640	Vũ Thị Thanh Thảo	01/11/1990	LT23.1KN00				
12	000572	35181020855	Đình Quốc Thái	01/05/1992	LT23.1NH00				
13	000573	35171020706	Ngô Hoàng Thái	05/08/1989	LT22NH001				
14	000574	35171020810	Nguyễn Thị Thái	26/03/1991	LT22NH002				
15	000575	35171021092	Trần Quốc Thái	09/05/1993	LT22KN003				
16	000576	35171020923	Nguyễn Tuấn Thạch	27/11/1993	LT22KN003				
17	000577	35181020061	Phạm Duy Thạch	01/01/1993	LT23.1AD00				
18	000578	35181020768	Nguyễn Thị Minh Thắm	20/09/1995	LT23.1AD00				
19	000579	35171020148	Trần Thị Hồng Thắm	02/10/1992	LT22AD003				
20	000580	35181020389	Trần Trọng Thắng	11/12/1988	LT23.1FT007				
21	000581	35181020697	Nguyễn Ngọc Thân	20/04/1992	LT23.1KN00				
22	000582	35181020864	Lê Huỳnh Thêm	29/11/1995	LT23.1FN001				
23	000583	35171021597	Phan Văn Thế	28/09/1993	LT22NH002				
24	000584	35181020276	Lê Nguyễn Yến Thi	05/04/1996	LT23.1FT005				
25	000585	35171021636	Nguyễn Diễm Thi	26/12/1994	LT22KN002				
26	000586	35171021421	Nguyễn Kiều Thi	14/07/1994	LT22KN002				
27	000587	35181025528	Võ Thanh Thi	08/08/1997	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B115 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000588	35181020298	Lê Quang	Thiên	05/05/1994	LT23.1FT002				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B116 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000589	35181020028	Nguyễn Dạ Hoa Thiên	26/06/1996	LT23.1AD00				
2	000590	35191020029	Đàng Lưu Thị Mỹ Thiên	30/06/1990	LT24.1AD01				
3	000591	35181021007	Ngô Trường Thịnh	17/12/1992	LT23.1FN00				
4	000592	35181020848	Nguyễn Lê Tri Thịnh	16/08/1996	LT23.1KN00				
5	000593	35181020997	Bùi Thị Kim Thoa	10/11/1992	LT23.1FN00				
6	000594	35181020406	Nguyễn Thị Thoa	04/10/1995	LT23.1FT004				
7	000595	35181025245	Huỳnh Trọng Thoại	10/01/1996	LT23.2FN00				
8	000596	35171020846	Trần Quang Thoại	01/11/1994	LT22NH001				
9	000597	35161022860	Đoàn Thị Thỏa	10/06/1992	LT21KN003				
10	000598	35171020281	Đặng Thị Hồng Thơ	05/08/1994	LT22KM001				
11	000599	35181025031	Huỳnh Thị Vĩnh Thơ	05/01/1995	LT23.2AD00				
12	000600	35181020894	Trần Thị Kim Thơ	04/10/1996	LT23.1KN00				
13	000601	35181020865	Trần Thị Vân Thơ	02/02/1994	LT23.1NH00				
14	000602	35181020824	Đoàn Thị Thu Thom	20/10/1993	LT23.1KN00				
15	000603	35181021122	Nguyễn Thị Kim Thom	11/02/1995	LT23.1FT006				
16	000604	35181025271	Nguyễn Thị Ngọc Thời	17/11/1991	LT23.2KN00				
17	000605	35171021695	Dương Thị Thu	09/10/1991	LT22AD002				
18	000606	35171021704	Hà Thị Thu	16/06/1992	LT22KN003				
19	000607	35181021224	Lã Thị Thu	11/09/1987	LT23.1KN00				
20	000608	35181020302	Nguyễn Cao Hoài Thu	11/11/1992	LT23.1FT007				
21	000609	35161023274	Phan Kim Thu	14/03/1993	LT21KN004				
22	000610	35181020459	Phan Thị Cẩm Thu	20/04/1994	LT23.1FT006				
23	000611	35181020295	Phạm Thị Hoài Thu	01/10/1996	LT23.1FT003				
24	000612	35181021334	Trần Thị Kim Thu	30/01/1994	LT23.1AD00				
25	000613	35181020099	Vũ Thị Thu	25/01/1996	LT23.1AD00				
26	000614	35171021647	Huỳnh Thị Thuận	15/06/1992	LT22KN001				
27	000615	35181021144	Nguyễn Hồ Thuận	30/09/1991	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B116 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000616	35171020881	Lê Thị Diễm Thùy	01/02/1995	LT22NH001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B210 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000617	35181020060	Nguyễn Thị Minh Thùy	13/04/1993	LT23.1AD00				
2	000618	35181020289	Nguyễn Thị Phương Thùy	08/12/1997	LT23.1FT001				
3	000619	35181025109	Trần Thị Minh Thùy	06/07/1996	LT23.2FT001				
4	000620	35181020478	Trần Thị Thanh Thùy	03/09/1995	LT23.1KN00				
5	000621	35171020619	Trương Thị Minh Thùy	01/05/1992	LT22FN001				
6	000622	35181020226	Vũ Thị Thanh Thùy	02/09/1991	LT23.1AD00				
7	000623	35171020946	Bùi Vũ Thu Thủy	16/02/1995	LT22KN003				
8	000624	35171021685	Đặng Thị Thu Thủy	31/10/1992	LT22KN006				
9	000625	35181021133	Lã Thị Bích Thủy	11/04/1985	LT23.1KN00				
10	000626	35181020554	Lê Thị Hồng Thủy	25/11/1996	LT23.1KN00				
11	000627	35171020159	Nguyễn Thị Bích Thủy	21/06/1995	LT22AD001				
12	000628	35181025291	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/02/1992	LT23.2KN00				
13	000629	35171021795	Bùi Thị Thúy	20/01/1994	LT22KN005				
14	000630	35181025518	Lê Thị Thúy	19/09/1994	LT23.2KN00				
15	000631	35181020024	Nguyễn Thanh Thúy	21/12/1994	LT23.1AD00				
16	000632	35181020600	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	10/03/1992	LT23.1KN00				
17	000633	35161021706	Nguyễn Thị Thanh Thúy	26/09/1990	LT21KN006				
18	000634	35181020719	Nguyễn Thị Thanh Thúy	07/06/1989	LT23.1KN00				
19	000635	35171021872	Trần Thị Thúy	02/09/1991	LT22AD002				
20	000636	35181020023	Võ Quang Thụy	04/02/1995	LT23.1AD00				
21	000637	35181020808	Bùi Thị Thu Thư	01/03/1996	LT23.1FT007				
22	000638	35181021243	Đào Thu Thư	12/08/1996	LT23.2KN00				
23	000639	35181020301	Hoàng Thị Minh Thư	03/05/1996	LT23.1FT005				
24	000640	35171021365	Lâm Thị Anh Thư	14/10/1995	LT22KN004				
25	000641	35181020799	Nguyễn Hoàng Anh Thư	01/06/1996	LT23.1KN00				
26	000642	35191020435	Nguyễn Thị Nhân Thư	01/06/1990	LT24.1KN02				
27	000643	35181025403	Phạm Huỳnh Anh Thư	11/07/1989	LT23.2AD00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B210 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000644	35181021013	Phạm Thị Anh Thu	27/09/1994	LT23.1FN001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày.  
tháng.....năm..... **TRƯỞNG PHÒNG**  
**KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B211 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000645	35181025173	Trần Thị Anh	Thư	06/11/1995	LT23.2KN00				
2	000646	35171021581	Đặng Thị Kim	Thương	19/02/1990	LT22KN006				
3	000647	35181025184	Nguyễn Thị Thu	Thương	09/06/1992	LT23.2FT001				
4	000648	35171020389	Chí Vũ	Thường	23/12/1995	LT22FT002				
5	000649	35161023726	Trần Minh	Thúc	10/12/1993	LT21KN006				
6	000650	35181020608	Nguyễn Xuân	Thy	10/03/1996	LT23.1KN00				
7	000651	35181025240	Võ Nguyễn Mai	Thy	29/03/1996	LT23.2FN00				
8	000652	35181020307	Đặng Thị Khánh	Tiên	22/03/1992	LT23.1FT001				
9	000653	35171020011	Đoàn Thị Thủy	Tiên	19/07/1994	LT22AD001				
10	000654	35181020445	Đoàn Thị Thủy	Tiên	22/08/1995	LT23.1FT007				
11	000655	35181020165	Huỳnh Thị Bích	Tiên	20/10/1996	LT23.1AD00				
12	000656	35181020031	Huỳnh Trần Thủy	Tiên	12/05/1991	LT23.1AD00				
13	000657	35171021144	Lê Thị Cẩm	Tiên	15/09/1993	LT22KN004				
14	000658	35181020660	Lê Thị Cẩm	Tiên	14/12/1996	LT23.1FT005				
15	000659	35181020002	Lê Thị Thủy	Tiên	06/10/1991	LT23.1AD00				
16	000660	35181020509	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	19/06/1995	LT23.1KN00				
17	000661	35171021016	Trần Thị Cẩm	Tiên	24/12/1995	LT22KN005				
18	000662	35181025301	Trần Thị Mỹ	Tiên	23/10/1997	LT23.2KN00				
19	000663	35181025349	Quảng Thành	Tiến	15/03/1995	LT23.2AD00				
20	000664	35181020617	Nguyễn Thị	Tiện	10/07/1994	LT23.1KN00				
21	000665	35181020306	Trần Quang	Tín	09/10/1994	LT23.1FT006				
22	000666	35181021221	Võ Văn	Tín	21/01/1987	LT23.1FT005				
23	000667	35181020452	Trần Nguyễn Khánh	Toàn	23/05/1996	LT23.1FT007				
24	000668	35181020239	Cao Thị Thùy	Trang	21/02/1992	LT23.1FT003				
25	000669	35181020638	Đặng Thị Thùy	Trang	18/06/1993	LT23.1KN00				
26	000670	35181020717	Đỗ Thị	Trang	14/10/1995	LT23.1KN00				
27	000671	35181020035	Đỗ Thị Huyền	Trang	01/04/1994	LT23.1AD00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B211 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000672	35181020293	Hà Thị Thùy Trang	04/09/1994	LT23.1FT003				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B212 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000673	35181020300	Hoàng Thị Minh Trang	03/05/1996	LT23.1FT003				
2	000674	35181020134	Lê Nguyễn Linh Trang	25/02/1996	LT23.1AD00				
3	000675	35181020791	Lê Thị Hồng Trang	08/02/1996	LT23.1KN00				
4	000676	35181025116	Lê Thị Huyền Trang	18/09/1996	LT23.2FT001				
5	000677	35181020372	Mai Thị Thùy Trang	25/03/1993	LT23.1FT001				
6	000678	35181020007	Nguyễn Kim Trang	15/11/1991	LT23.1AD00				
7	000679	35191020327	Nguyễn Thảo Trang	07/01/1997	LT24.1AD01				
8	000680	35161021747	Nguyễn Thị Trang	15/05/1991	LT21KN004				
9	000681	35181020486	Nguyễn Thị Trang	05/08/1990	LT23.1KN00				
10	000682	35181020267	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	18/06/1994	LT23.1FT006				
11	000683	35171020199	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/04/1994	LT22AD003				
12	000684	35171020797	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/06/1993	LT22FN002				
13	000685	35171021918	Nguyễn Thị Thùy Trang	25/08/1993	LT22FN001				
14	000686	35191020475	Phạm Thị Quỳnh Trang	01/01/1989	LT24.1KN01				
15	000687	35181020211	Phùng Thị Thu Trang	31/08/1995	LT23.1AD00				
16	000688	35181020271	Trần Thị Trang	24/09/1996	LT23.1FT002				
17	000689	35181020354	Trần Thị Trang	21/08/1996	LT23.1FT007				
18	000690	35181020172	Trần Thị Thu Trang	20/11/1992	LT23.1AD00				
19	000691	35171021911	Vũ Thị Trang	11/06/1987	LT22KN004				
20	000692	35191020474	Nguyễn Thị Trà	22/03/1989	LT24.1KN01				
21	000693	35181025413	Huỳnh Thị Bích Trâm	19/08/1991	LT23.2KN00				
22	000694	35181020469	Lê Thị Trâm	20/10/1995	LT23.1FT002				
23	000695	35181025143	Lê Thị Ngọc Trâm	30/03/1993	LT23.2KN00				
24	000696	35181020008	Lê Thị Thủy Trâm	20/11/1992	LT23.1AD00				
25	000697	35181020624	Lê Thị Tuyết Trâm	13/08/1991	LT23.1KN00				
26	000698	35171021152	Nguyễn Thị Bích Trâm	15/03/1990	LT22KN004				
27	000699	35171020245	Trần Thị Diệu Trâm	31/10/1993	LT22AD002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B212 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000700	35171020944	Lê Hà Bảo	Trần	30/10/1993	LT22KN005				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B213 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000701	35171021463	Lê Hoàn Kim Trân	15/08/1994	LT22KN002				
2	000702	35181021045	Trương Bảo Huyền Trân	18/10/1994	LT23.1NH00				
3	000703	35181025278	Trần Ngọc Triều	26/05/1993	LT23.2FN00				
4	000704	35181020628	Đặng Ngọc Hoàng Trinh	09/09/1996	LT23.1KN00				
5	000705	35181025163	Lê Thị Huyền Trinh	03/08/1992	LT23.2KN00				
6	000706	35181020303	Lê Thị Tú Trinh	09/05/1996	LT23.1FT002				
7	000707	35171020447	Mai Thị Mỹ Trinh	06/03/1993	LT22FT003				
8	000708	35181020026	Nguyễn Thị Kiều Trinh	15/06/1995	LT23.1AD00				
9	000709	35181020398	Nguyễn Thị Thu Trinh	05/02/1994	LT23.1FT005				
10	000710	35181020268	Phạm Thị Như Trinh	15/02/1996	LT23.1FT004				
11	000711	35181025269	Trần Thị Mai Trinh	13/11/1995	LT23.2KN00				
12	000712	35181025300	Trần Thị Ngọc Trinh	10/05/1997	LT23.2KN00				
13	000713	35181020881	Trần Thị Tuyết Trinh	17/12/1996	LT23.1KN00				
14	000714	35181020041	Trần Tố Trinh	25/09/1995	LT23.1AD00				
15	000715	35181025196	Võ Thị Trinh	23/09/1996	LT23.2KN00				
16	000716	35191020456	Mai Hoàng Trí	06/05/1984	LT24.1KN02				
17	000717	35181020357	Nguyễn Thanh Trí	01/01/1990	LT23.1FT003				
18	000718	35181020886	Trần Trọng Trí	01/05/1993	LT23.1NH00				
19	000719	35181020885	Trần Bình Trọng	02/09/1987	LT23.1NH00				
20	000720	35181021253	Nguyễn Khoa Minh Trung	03/12/1996	LT23.1AD00				
21	000721	35181021177	Trần Quang Trung	10/01/1994	LT23.1NH00				
22	000722	35181020702	Phạm Thị Thanh Truyền	12/01/1993	LT23.1KN00				
23	000723	35171021180	Lâm Nguyệt Kiều Trúc	21/06/1995	LT22KN001				
24	000724	35181025205	Phạm Thị Huỳnh Trúc	08/04/1994	LT23.2FN00				
25	000725	35181021169	Phạm Thị Phương Trúc	21/03/1992	LT23.1FN00				
26	000726	35171021586	Phạm Thị Thanh Trúc	06/09/1995	LT22KN001				
27	000727	35181020533	Nguyễn Thị Trường	07/05/1995	LT23.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B213 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000728	35171020771	Đỗ Hoàng Tuấn	00/ /1989	LT22NH001				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B215 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000729	35181020043	Phạm Công Tuấn	26/02/1992	LT23.1AD00				
2	000730	35181020857	Trần Châu Tuấn	21/03/1994	LT23.1NH00				
3	000731	35181025531	Phan Thị Thủy	01/04/1997	LT23.2KN00				
4	000732	35171020210	Bùi Thị Thanh	20/08/1991	LT22AD001				
5	000733	35181020337	Dương Lý Sơn	16/07/1995	LT23.1FT003				
6	000734	35181020376	Đặng Thị Ngọc	12/02/1994	LT23.1FT001				
7	000735	35181020840	Đặng Thị Thanh	07/06/1992	LT23.1FN00				
8	000736	35181025187	Huỳnh Hà Phương	02/01/1991	LT23.2KN00				
9	000737	35181025533	Huỳnh Ngọc Kim	22/11/1995	LT23.2AD00				
10	000738	35181020316	Khuru Thị Thanh	13/06/1996	LT23.1FT004				
11	000739	35181021211	Nguyễn Ngọc	19/04/1992	LT23.1KN00				
12	000740	35181020744	Nguyễn Thị Ngọc	17/03/1996	LT23.1KN00				
13	000741	35181020592	Nguyễn Thị Thanh	20/03/1997	LT23.1AD00				
14	000742	35171020960	Trương Thanh	15/03/1993	LT22NH002				
15	000743	35181025192	Trương Thị Thanh	02/01/1995	LT23.2KN00				
16	000744	35181020862	Ngô Thị Kim	25/03/1996	LT23.1FN003				
17	000745	35191020320	Nguyễn Thị	05/02/1992	LT24.1KN02				
18	000746	35181020907	Phạm Thị	20/08/1996	LT23.1FN003				
19	000747	35161022490	Vũ Thị	03/12/1994	LT21AD003				
20	000748	35181020315	Phan Huỳnh Thanh	02/11/1995	LT23.1FT006				
21	000749	35181021239	Phạm Văn	10/10/1994	LT23.1KN00				
22	000750	35181021106	Võ Văn	03/11/1991	LT23.1NH00				
23	000751	35181025113	Phan Mạnh	21/07/1992	LT23.2FT001				
24	000752	35181020411	Huỳnh Hàng	31/10/1994	LT23.1FT007				
25	000753	35181020332	Lê Phương	30/11/1993	LT23.1FT002				
26	000754	35181020394	Nguyễn Cao Phương	07/04/1993	LT23.1FT003				
27	000755	35181020351	Nguyễn Duy	05/12/1996	LT23.1FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B215 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000756	35181025066	Nguyễn Hồ Thu Uyên	03/05/1996	LT23.2AD00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B216 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000757	35181020620	Nguyễn Thị Tố Uyên	01/03/1996	LT23.1KN00				
2	000758	35181020853	Văn Thị Hạnh Uyên	08/06/1993	LT23.1FN00				
3	000759	35181020012	Đặng Nhật Uyên	03/11/1995	LT23.1FT00				
4	000760	35181025026	Trần Thị Út	26/12/1992	LT23.2KN00				
5	000761	35181020792	Cao Thị Thùy Vân	11/04/1996	LT23.1KN00				
6	000762	35181020248	Đặng Thị Hải Vân	15/09/1994	LT23.1FT00				
7	000763	35181021098	Đỗ Thị Thảo Vân	02/01/1996	LT23.1FT00				
8	000764	35181021070	Hồ Thị Thu Vân	03/03/1994	LT23.1FN00				
9	000765	35181020776	Huỳnh Thị Kim Vân	18/07/1988	LT23.1KN00				
10	000766	35181021034	Lê Thị Thu Vân	08/01/1994	LT23.1FN00				
11	000767	35181021126	Lê Thị Tường Vân	01/09/1994	LT23.1FN00				
12	000768	35181020949	Nguyễn Nữ Ái Vân	20/04/1994	LT23.1FN00				
13	000769	35181020561	Nguyễn Thị Vân	11/12/1994	LT23.1KN00				
14	000770	35181020021	Nguyễn Thị Bích Vân	26/10/1995	LT23.1AD00				
15	000771	35161022985	Nguyễn Thị Thanh Vân	15/08/1991	LT21KN001				
16	000772	35181020750	Trần Nguyễn Dạ Vân	02/05/1991	LT23.1AD00				
17	000773	35181020614	Võ Thị Hồng Vân	27/04/1992	LT23.1KN00				
18	000774	35181020762	Trần Thị Vẹn	19/04/1996	LT23.1NH00				
19	000775	35181025208	Lê Thị Tường Vi	10/06/1995	LT23.2KN00				
20	000776	35181020880	Nguyễn Thị Tường Vi	15/01/1996	LT23.1KN00				
21	000777	35181025316	Nguyễn Thị Tường Vi	05/03/1997	LT23.2KN00				
22	000778	35181021227	Phạm Thị Tường Vi	19/08/1993	LT23.1KN00				
23	000779	35171021282	Trương Thị Tường Vi	01/09/1994	LT22KN005				
24	000780	35181020502	Nguyễn Thị Vinh	04/06/1994	LT23.1KN00				
25	000781	35181020242	Trương Thế Vinh	13/09/1994	LT23.1FT00				
26	000782	35181020438	Bùi Lâm Trường Vũ	03/02/1992	LT23.1FT00				
27	000783	35181020069	Mai Quang Vũ	19/07/1994	LT23.1AD00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B216 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000784	35171021219	Tiêu Hoàng Vũ	07/01/1983	LT22KN005				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B310 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000785	35181020465	Nguyễn Hoàng Vương	07/01/1992	LT23.1AD00				
2	000786	35181020986	Nguyễn Thị Thịnh Vương	25/04/1995	LT23.1KN00				
3	000787	35181020977	Hồ Thị Tường Vy	30/04/1992	LT23.1FN00				
4	000788	35181020842	Nguyễn Thị Tường Vy	25/09/1996	LT23.1FN00				
5	000789	35181020912	Nguyễn Thị Tường Vy	10/10/1991	LT23.1FN00				
6	000790	35181020519	Trần Ngọc Thanh Vy	24/01/1996	LT23.1KN00				
7	000791	35181025189	Trần Phạm Thúy Vy	16/10/1996	LT23.2KN00				
8	000792	35181020401	Trần Thúy Vy	21/11/1993	LT23.1FT003				
9	000793	35181021113	Nguyễn Thành Xuân	05/09/1992	LT23.1AD00				
10	000794	35171020664	Phạm Ngọc Kim Xuân	08/04/1992	LT22FN002				
11	000795	35181025080	Đặng Thị Hà Xuyên	26/02/1996	LT23.2FT001				
12	000796	35181021137	Phạm Thị Xuyên	06/04/1993	LT23.1AD00				
13	000797	35181020158	Ngô Trương Bảo Yên	25/03/1989	LT23.1AD00				
14	000798	35171020241	Hà Thị Kim Yên	12/08/1994	LT22AD002				
15	000799	35181020726	Hoàng Thị Yên	09/10/1994	LT23.1KN00				
16	000800	35171021225	Nguyễn Thị Hải Yên	01/09/1995	LT22KN005				
17	000801	35181020507	Nguyễn Thị Hoàng Yên	19/01/1994	LT23.1KN00				
18	000802	35181025307	Nguyễn Thị Minh Yên	01/02/1989	LT23.2KN00				
19	000803	35171021602	Phạm Thị Yên	01/06/1995	LT22KN006				
20	000804	35181021229	Phạm Thị Hồng Yên	19/04/1993	LT23.1FT006				
21	000805	35181020396	Trần Thị Hải Yên	14/12/1994	LT23.1FT005				
22	000806	35171021203	Trương Thị Kim Yên	25/06/1995	LT22KN004				
23	000807	35181025318	Võ Nữ Hải Yên	16/08/1996	LT23.2KN00				
24	000808	35181020916	Nguyễn Thị Ý	16/07/1995	LT23.1NH00				
25	000809	35171021705	Nguyễn Thị Như Ý	14/01/1993	LT22AD003				
26	000810	35181020285	Nguyễn Thị Như Ý	09/04/1996	LT23.1FT003				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

**Ngày thi:** 17/11/2019 - **Phòng Thi:** B311 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000811	35181020121	Nguyễn Võ Kim Ý	09/03/1996	LT23.1AD00				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....*  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT-KHẢO THÍ**

**ThS. Trương Hồng Khánh**